TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 05/01/2023
V/v Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN D

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Lê Chí Tâm.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Phạm Phước Tâm.**

2. Bà **Võ Thị Điệp.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Đào Kim Xoa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 569/2022/TLST-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2022/QĐXXST- DS, ngày 29/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 351/2022/QĐ-ST, ngày 15/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thanh S, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1976;

2.2. Thái Thị Huỳnh S, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã M, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

(Ông S, bà S có mặt; ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Phạm Thanh S trình bày: Ngày 30/6/2020, ông Nguyễn Hoàng D và bà Thái Thị Huỳnh S có vay của ông Phạm Thanh S số tiền 66.000.000 đồng, mục đích kinh doanh mua bán gạo, hẹn vài tháng sẽ trả. Ông S xác định khi vay các bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, nhưng các bên chỉ thỏa thuận miệng, không ghi vào biên nhận. Nhưng đến nay, ông D và bà S vẫn chưa thanh toán số tiền vay cho ông S.

Ngày 31/12/2021, ông S có đến nhà ông D, bà S chở bàn ghế bằng gỗ của ông D, bà S để cấn trừ số tiền nợ. Tuy nhiên, hiện nay các đương sự không thống nhất được giá trị của bộ bàn ghế gỗ nên ông S, bà S thống nhất thỏa thuận ông S sẽ chở trả lại bộ bàn ghế cho ông D, bà S, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với vụ án này, khi nào phát sinh tranh chấp thì sẽ kiện bằng một vụ kiện khác.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Thanh S yêu cầu ông Nguyễn Hoàng D và bà Thái Thị Huỳnh S liên đới trả cho ông S số tiền vay còn nợ là 66.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 30/6/2020 đến ngày 30/01/2022 với mức lãi suất là 01%/tháng là 12.540.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi giải quyết xong vụ án.

Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay, ông Phạm Thanh S chỉ yêu cầu ông Nguyễn Hoàng D và bà Thái Thị Huỳnh S liên đới trả cho ông S số tiền vay còn nợ là 66.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là bà Thái Thị Huỳnh S trình bày: Bà S thừa nhận trước đây bà có vay tiền của ông S nhiều lần. Đến ngày 30/6/2020, ông D và bà S còn nợ của ông Phạm Thanh S số tiền 66.000.000 đồng, có làm biên nhận cùng ngày. Bà S xác định khi vay các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, tuy nhiên bà S không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Khi làm biên nhận ngày 30/6/2020 các bên thỏa thuận với nhau không tiếp tục tính lãi, nhưng việc không tiếp tục tính lãi không được ghi vào biên nhận. Đến nay, ông D và bà S vẫn chưa thanh toán số tiền vay cho ông S.

Ngày 31/12/2021, ông S có đến nhà ông D và bà S để chở bộ bàn ghế gỗ về sử dụng để trừ số nợ 66.000.000 đồng. Nhưng đến nay các đương sự không thống nhất được giá trị bộ bàn ghế gỗ nên bà S, ông S thỏa thuận ông S sẽ chở trả lại bộ bàn ghế gỗ cho ông D, bà S, không yêu cầu giải quyết đối với vụ án này, khi nào phát sinh tranh chấp thì sẽ kiện bằng một vụ kiện khác.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Thái Thị Huỳnh S đồng ý trả cho ông Phạm Thanh S số tiền vay còn nợ là 66.000.000 đồng.

Bà S xác định ông D hiện đang sinh sống chung nhà với bà S. Ông D đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng do ông D bận đi làm nên không đến Tòa án giải quyết được.

Ông Nguyễn Hoàng D là bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Bên cạnh đó, ông D cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ gồm:

Tài liệu do nguyên đơn cung cấp: Biên nhận ngày 30/6/2020 (bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai cho các đương sự vắng mặt nhưng không ai có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh S yêu cầu ông Nguyễn Hoàng D và bà Thái Thị Huỳnh S có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay và lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Nguyễn Hoàng D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh S yêu cầu ông Nguyễn Hoàng D và bà Thái Thị Huỳnh S trả cho ông S số tiền vay còn nợ là 66.000.000 đồng. Ông S chứng minh bằng biên nhận số tiền 66.000.000 đồng đề ngày 30/6/2020 có chữ ký và viết tên của ông Nguyễn Hoàng D, bà Thái Thị Huỳnh S.

Hội đồng xét xử xét thấy, biên nhận mà nguyên đơn cung cấp có nội dung ông D, bà S có nhận số tiền là 66.000.000 đồng của ông Phạm Thanh S. Việc này được phía bà S thừa nhận. Ông D không có ý kiến phản bác lại các chứng cứ do

nguyên đơn cung cấp. Như vậy, việc ông D và bà S có vay tiền của ông S là có thật. Việc ông D, bà S không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ. Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự, yêu cầu của ông S là có cơ sở.

[5] Về tiền lãi: Trước đây tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Thanh S yêu cầu ông Nguyễn Hoàng D và bà Thái Thị Huỳnh S liên đới trả cho ông S tiền lãi từ ngày 30/6/2020 đến ngày 30/01/2022 với mức lãi suất là 01%/tháng là 12.540.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay, ông S chỉ yêu cầu ông D và S trả số tiền vốn vay, không yêu cầu tiền lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm liên đới: Xét thấy, nguyên đơn ông S trình bày ông cho ông Nguyễn Hoàng D và bà Thái Thị Huỳnh S vay tiền; tại biên nhận ngày 30/6/2020 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký và viết tên của ông Nguyễn Hoàng D và Thái Thị Huỳnh S, việc này được bị đơn là bà S thừa nhận. Đồng thời, bà S xác nhận bà và ông D là vợ chồng hợp pháp, hiện nay cùng chung sống với nhau. Như vậy, việc ông S yêu cầu ông D và bà S có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay cho ông S là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng ông D vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Đồng thời, ông D cũng đã được thông báo kết quả phiên họp, kèm các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, ông D không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Mặt khác, ông D cũng không có gì chứng minh cho việc trả nợ của mình.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự xác định yêu cầu của ông S là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Hoàng D và bà Thái Thị Huỳnh S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông S số tiền vay còn thiếu là 66.000.000 đồng và trả lãi cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

[9] Đối với bộ bàn ghế của ông D, bà S mà ông S đã chở về nhà vào ngày 31/12/2021 thì các đương sự ông S và bà S đề nghị tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông D và bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được tính như sau 66.000.000 đồng x 5% = 3.300.000 đồng.

Ông Phạm Thanh S không phải chịu án phí và được nhận lại 1.963.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009984 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh S đối với ông Nguyễn Hoàng D và bà Thái Thị Huỳnh S;

Buộc ông Nguyễn Hoàng D và bà Thái Thị Huỳnh S có nghĩa vụ trả liên đới trả cho ông Phạm Thanh S số tiền 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Ông Phạm Thanh S được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.963.000 đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009984 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Ông Nguyễn Hoàng D và bà Thái Thị Huỳnh S phải chịu án phí sơ thẩm là 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành

án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Tâm

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hồ Thị Mai Hương – Phạm Phước Tâm	**Trần Văn Đô**